

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 363/TKT-TCHC
V/v công khai kết quả Tổng kiểm kê
thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 3914/QĐ-BTC ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2026 tại Bộ Tài chính;

Thực hiện Công văn số 3007/CTK-KHTC ngày 23/12/2025 của Cục Thống kê về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2026;

Trên cơ sở dữ liệu tổng hợp kết quả được kết xuất từ phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công năm 2026, Thống kê tỉnh Khánh Hòa công khai kết quả Tổng kiểm kê tài sản công của các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh (tính đến tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2026), với các nội dung công khai cụ thể như sau:

- Tổng số đơn vị thực hiện kiểm kê: 11/11 đơn vị trực thuộc Thống kê tỉnh Khánh Hòa thuộc đối tượng kiểm kê tài sản và 100% hoàn thành công tác kiểm kê.

- Tổng số tài sản: 286 tài sản;

- Tổng nguyên giá: 76.692.348.338 đồng;

- Tổng giá trị còn lại: 57.255.339.410 đồng.

(Chi tiết theo Báo cáo kết quả Tổng kiểm kê tài sản công gửi kèm theo)

Thống kê tỉnh Khánh Hòa công khai kết quả Tổng kiểm kê tài sản công năm 2026 để các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh biết, thực hiện theo quy định: 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu: VT, TCHC.



Lê Thị Trúc Phương

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản				Chịu ảnh hưởng thiên tai từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)		
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hông, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	1			-				15.000.000	7.200.000	1		1					1	
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái	7			-				229.315.000	163.632.000	7		7					7	
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản				-														
	TỔNG CỘNG		286	0	0					76.692.348.338	54.603.343.712	286	0	286	0	0	0	0	286	0

....., ngày 20 tháng 04 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị tổng hợp
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Phương

Mã đơn vị tổng hợp: 018035029

an quản lý cấp trên của đơn vị tổng hợp: Thống kê
ơn vị tổng hợp: 018035029

**THỐNG KÊ
TỈNH
KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ**

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
Tổng hợp chung
(Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản				Chịu ảnh hưởng thiên tai từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)		
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hỏng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ				-														
8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	1			-				15.000.000	7.200.000	1		1					1	
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái	7			-				229.315.000	163.632.000	7		7					7	
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản				-														
	TỔNG CỘNG		286	0	0					76.692.348.338	54.603.343.712	286	0	286	0	0	0	0	286	0

....., ngày 20 tháng 04 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị tổng hợp
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Phương

[illegible]

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản				Chịu ảnh hưởng thiên tai từ 2023 đến hết 2025 (Đối với nhà và công trình xây dựng)		
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được-SD đúng mục đích	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hồng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái				-														
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản				-														
	TỔNG CỘNG		0	0	0					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

....., ngày 20 tháng 04 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị tổng hợp
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Phương

Ghi chú: Việc báo cáo được thực hiện theo số liệu tổng cộng tương ứng với từng nhóm tài sản tại cột (2)

STT	Danh mục tài sản	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình		Tình trạng của tài sản					Chịu ảnh hưởng		
		Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được-SD đúng mục đích	Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-không SD	Hồng, không sử dụng được	Có	Không g	Số lần xảy ra (nếu có)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	Cái				-															
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Cái				-															
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	-				-															
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	Cái				-															
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	Cái				-															
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	Cái				-															
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	Cái				-															
3.5	Phương tiện vận tải khác	Cái				-															
4	Máy móc, thiết bị	-				-				9.487.675.484	2.565.244.378	258		258					258		
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	Cái	108			-				2.267.640.664	394.970.636	108		108					108		
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	Cái	150			-				7.220.034.820	2.170.273.742	150		150					150		
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Cái				-															
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	-				-															
5.1	Các loại súc vật	Con				-															
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	Cây/ Vườn				-															
5.3	Thâm cỏ, cây cảnh, vườn cây cảnh	Cây/ Vườn/ Thâm				-															
6	Tài sản cố định đặc thù	Cái				-															
7	Tài sản cố định hữu hình khác	Cái				-															
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	-				-				244.315.000	170.832.000	8		8					8		
8.1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả	Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ				-															
8.2	Quyền sở hữu công nghiệp	Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ				-															
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ				-															
8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	1			-				15.000.000	7.200.000	1		1					1		
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái	7			-				229.315.000	163.632.000	7		7					7		
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản				-															
	TỔNG CỘNG		286	0	0					76.692.348.338	54.603.343.712	286	0	286	0	0	0	0	286	0	